

PHẦN 1 : BÀI TẬP

Bài 1: Đọc hai câu thơ sau:

“Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng!”

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*).

Từ **hoa** trong **thềm hoa, lệ hoa** được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Có thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa được không? Vì sao?

Bài 2: Em hãy xác định câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?

“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.”

Bài 3: Xác định điệp ngữ trong bài cao dao

Con kiến mà leo cành đa
Leo phải cành cụt, leo ra leo vào.
Con kiến mà leo cành đào
Leo phải cành cụt, leo vào leo ra.

Bài 4: Tìm các phép tu từ từ vựng và tác dụng của nó trong những câu thơ sau:

a) *Gác kinh viện sách đôi nơi
Trong gang tấc lại gấp mười quan san* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b) *Còn trời còn nước còn non
Còn cụ bán rượu anh còn say sưa*

Bài 5: Xác định biện pháp tu từ từ vựng trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”.

(Tế Hanh - Quê hương)

Bài 6: Em hãy xác định những câu sau sử dụng biện pháp tu từ nào?

- a) *Có tài mà cậy chi tài
Chiữ tài liền với chữ tai một vần*
- b) *Trẻ em như búp trên cành*
- c) *Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta*

Bài 7: Trong các câu thơ sau, tìm các phép tu từ từ vựng được sử dụng và ý nghĩa nghệ thuật của nó.

- a) *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*
- b) *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng*
(Nguyễn Khoa Điềm, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ)

Bài 8: Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm trong các câu sau:

a) *Nhưng những điều kì lạ là **tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đó** nhào nặn với cội gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người.*

(Lê Anh Trà, Phong cách Hồ Chí Minh).

b) Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xạ vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà)

c) Không lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn - xôi cho nhân loại phức tạp hơn, cũng phong phú và sâu sắc hơn.

Bài 9: Chỉ ra các thành phần câu trong mỗi câu sau:

a) Nửa tiếng đồng hồ sau, chị Thao chui vào hang.

(Lê Minh Khuê – Những ngôi sao xa xôi)

b) Tác giả thay mặt cho đồng bào miền Nam – những người con ở xa bày tỏ niềm tiếc thương vô hạn.

c) Thế à, cảm ơn các bạn!

(Lê Minh Khuê – Những ngôi sao xa xôi)

d) Này ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn.

(Nam Cao – Láo Hạc)

Bài 10: Tìm các thành phần tình thái, cảm thán trong những câu sau đây :

a) Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều.

(Kim Lân, Làng)

b) Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hạn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

c) Ông lão bỗng ngừng lại ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chẳng nhẽ cái bọn ở làng lại đố đến thế được.

(Kim Lân, Làng)

Bài 11: Xác định thành phần phụ chú, thành phần khởi ngữ trong các ví dụ sau:

a) Thế rồi bỗng một hùm, chắc rằng hai cậu bàn cối mới, hai cậu chọt nghĩ kể rủ Oanh chung tiền mở cối trường

(Nam Cao)

b) Lan - bạn thân của tôi - học giỏi nhất lớp.

c) Nhìn cảnh ấy mọi người đều chảy nước mắt, còn tôi, tôi cảm thấy như có ai đang bóp nghẹt tim tôi.

(Nguyễn Quang Sáng - Chiếc lược ngà)

d) Kẹo đây, con lấy mà chia cho em.

Bài 12: Chú ý những từ in nghiêng trong các câu sau:

- Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng
- Thêm hoa một bước, lệ hoa mây hàng.
- Tên riêng bao giờ cũng được viết hoa.

a) Chỉ ra từ nào dùng nghĩa gốc, từ nào dùng nghĩa chuyển?

b) Nghĩa chuyển của từ “lệ hoa” là gì?

Bài 13: Tìm thành phần gọi – đáp trong câu ca dao sau và cho biết lời gọi – đáp đó hướng đến ai.

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Bài 14: Nêu tên các phép tu từ từ vựng trong hai câu thơ sau và chỉ ra những từ ngữ thực hiện phép tu từ đó :

Cánh khuya như vẽ người chưa ngủ,

Chưa ngủ vỡ lo nổi nước nhà.

(Hồ Chí Minh, *Cảnh khuya*)

Bài 15: Xét theo mục đích giao tiếp, các câu được gạch chân trong đoạn văn sau thuộc kiểu câu nào?

Đưa con gái lớn gồng đôi thúng không bước vào. (1) Ông cất tiếng hỏi:

- Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế này? (2)

Không để đưa con kịp trả lời, ông ló nhóm dậy vợ lấy cái nón:

- Ở nhà trông em nhá! (3) Đừng có đi đâu đấy. (4).

(Kim Lân, Làng)

Bài 16:

Chỉ ra các từ ngữ là thành phần biệt lập trong các câu sau. Cho biết tên gọi của các thành phần biệt lập đó.

a) *Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm.* (Nam Cao, *Lão Hạc*)

b) *Sương chùng chình qua ngõ*

Hình như thu đó về.

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

Bài 17:

Trong các từ ngữ: *nói móc, nói ra đầu ra đuôi, nói leo, nói hót, nói nhăng nói cuội, nói lóng*, hãy chọn một từ ngữ thích hợp điền vào mỗi chỗ trống sau:

Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách có ý là ...

Nói nhằm nhí, vu vơ là ...

Cho biết mỗi từ ngữ vừa chọn chỉ cách nói liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Bài 18:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:

Vừa lúc ấy, tôi đó đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động...

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*)

a) Chỉ ra câu văn có chứa thành phần khởi ngữ.

b) Xác định những từ láy được dùng trong đoạn trích.

c) Hãy cho biết câu thứ nhất và câu thứ hai của đoạn trích được liên kết với nhau bằng phép liên kết nào?

d) Từ “tròn” trong câu “Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn.” đó được dùng như từ thuộc từ loại nào?

Bài 19:

a) Câu ca dao khuyên chúng ta thực hiện tốt phương châm hội thoại nào khi giao tiếp?

Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

b) Xác định thành phần phụ chú trong câu:

Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga ... và Người đó làm nhiều nghề.

(Lê Anh Trà, *Phong cách Hồ Chí Minh*)

Bài 20: Cho đoạn văn sau:

“Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...). Mặt đất đó kiệt sức bỗng thức dậy, ồ ồ đón lấy như ịot mưa âm áp, trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cân mẫn

tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đó mang lại cho Chúng cõi sức sống ú đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.”

(Tiếng mưa - Nguyễn Thị Thu Trang)

a) Xác định và nêu ngắn gọn tác dụng của các biện pháp tu từ từ vựng được dùng trong đoạn văn trên.

b) Chỉ rõ tính liên kết của đoạn văn.

Bài 21: Cho các từ sau: *hoa hồng, ngân hàng, bàn tay*.

a) Nhận xét sự thay đổi về nét nghĩa của các từ: *hoa hồng, ngân hàng*, khi kết hợp với các từ mới: *bạch, đề thi*.

b) Nghĩa của từ “trắng” trong câu: “*Sau bao năm buôn chải nơi đất khách quê người, cuối cùng ló lại trở về với hai bàn tay trắng*”.

Bài 22: Xác định thành phần biệt lập trong các câu sau và cho biết chúng thuộc thành phần biệt lập nào.

1. *Trời ơi, chỉ còn có năm phút!*
2. *Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ.*
3. *Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chẳng nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.*
4. *Hãy bảo vệ trái đất, ngôi nhà chung của chúng ta trước những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đang gia tăng.*
5. *Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa*
6. *Lan, bạn thân nhất của tớ, đã chuyển lên thành phố.*
7. *Có lẽ chiều nay trời sẽ mưa.*
8. *Cậu vàng đi đời rồi ông Giáo ạ.*
9. *Than ôi ! thời oanh liệt nay còn đâu.*
10. *Hình như đó là bạn Lan*
11. *Chúng tôi, mọi người- kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi.*
12. *Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.*
13. *Quê hương ơi ! Lòng tôi cũng như sông
Tĩnh Bắc Nam chung chảy một dòng*
14. *Chao ôi, bắt gặp một người như anh ta là một cơ hội hạn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.*
15. *Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lẽ bề lệt bệt chừng như vẫn mệt mỏi lắm.*
16. *Hôm nay có lẽ trời sẽ nắng.*

Bài 23:a) Từ “**xuân**” trong câu thơ sau được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân

Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

b) Tìm khởi ngữ trong các câu sau:

Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng ba ngàn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu.

(Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long)

c) Xác định thành phần biệt lập trong câu sau và gọi tên thành phần biệt lập ấy?

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nét na, lại thêm tư dung tốt đẹp. (Chuyện người con gái Nam Xương - Nguyễn Dữ)

Bài 24: a) Từ “nhỏ bé” trong câu thơ sau mang hàm ý gì ?

“Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”.

(Y Phương –Nói Với con)

b) Tìm câu chứa hàm ý có trong đoạn trích sau và cho biết nội dung của hàm ý.

- Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà phía sau, rồi trở vào lều, tay cầm một cái làn.

(Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long)

Bài 25: Tìm câu chứa hàm ý trong đoạn trích dưới đây và cho biết nội dung của hàm ý?

" Tôi lên tiếng mở đường cho nó

- Cháu phải gọi "Ba chắt nước dùm con", phải nói như vậy?.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im."

("Chiếc lược ngà" - Nguyễn Quang Sáng"

Bài 26: Trong bài Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm viết:

" Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng"

(Ngữ văn 9, tập một, NXB giáo dục- 2005)

Từ mặt trời ở câu thứ hai là biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của nó?

Bài 27: Tìm lời dẫn trong khổ thơ sau và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp?

a) Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài:

“Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay”.

(Vũ Đình Liên, Ông đồ)

b) “Hôm ấy, tôi đang dọn cho sạch mấy ngăn túi trong áo rét của con gái sáu tuổi thì phát hiện rảo mỗi ngăn túi là một đôi găng tay. Nghĩ rằng một đôi thôi cũng đủ giữ ấm tay rồi tôi bảo con :” Vì sao con mang tới hai đôi găng tay trong túi áo ? “. Con tôi trả lời: ”Con làm như vậy từ lâu rồi. Mẹ biết mà, có nhiều bạn đi học mà không có găng tay. Nếu con có thể cho bạn mượn và tay bạn sẽ không bị lạnh “.

(Theo Tuổi mới lớn, NXB Trẻ)

Bài 28: Giáo dục tức là giải phóng⁽¹⁾. Nó mở ra cánh cửa dẫn đến hòa bình, công bằng và công lí⁽²⁾. Những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này – các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ - gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho các thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy ⁽³⁾.

(*Phê-đê-ri-cô May-o, Giáo dục – chìa khóa của tương lai, Ngữ văn lớp 9, Tập 2*)

a) Chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết giữa câu 1 và câu 2 của đoạn văn trên. Cho biết đó là phép liên kết gì?

b) Chỉ ra các từ ngữ là thành phần biệt lập trong đoạn văn trên. Cho biết tên gọi của thành phần biệt lập đó.

Bài 29:

Xác định và gọi tên các thành phần biệt lập trong phần trích sau:

Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt - cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đỏ nhạt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã sắp hết mùa, hoa đỏ vẫn trên cành, cho nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.

(“*Bến quê*” - Nguyễn Minh Châu)

Bài 30: a) Xác định từ đơn, từ phức trong hai câu thơ sau:

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

(*Sang thu – Hữu Thỉnh*)

b) Từ *chùng chình* là từ tượng hình hay tượng thanh? Vì sao?

Bài 31: Hãy xác định cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp:

a) *Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”.*

b) *Nhưng chỉ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật.*

Bài 32:

1. Xác định thành phần biệt lập trong các câu văn sau và cho biết chúng thuộc thành phần biệt lập nào?

a) *Chẳng lẽ ông ấy không biết.*

b) *Anh Sơn - vốn dân Nam Bộ gốc, làm điệu bộ như sắp ca một câu vọng cổ.*

c) *Ôi những buổi chiều mưa ướt đầm lá cỏ!*

d) *Thưa ông, ta đi thôi ạ!*

2. Xác định thành phần khởi ngữ trong đoạn sau:

Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm.”

3. Phân tích thành phần câu cho câu sau:

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp.

Bài 33: Gạch 1 gạch dưới từ ghép, 2 gạch dưới từ láy trong đoạn thơ sau

Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thẩn dan tay ra về

Bước dần theo ngọn tiểu khê

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

Bài 34: Có đoạn đối thoại sau:

A. Lan học có giỏi không ?

B. Lan hát và múa rất hay.

a) Hãy chỉ ra hàm ý có trong đoạn đối thoại trên.

b) Cho biết đoạn đối thoại trên có vi phạm phương châm hội thoại nào không? Vì sao?

Bài 35:

Tìm câu có chứa hàm ý trong ví dụ sau và cho biết nội dung hàm ý. Hàm ý đó được tạo ra bằng cách cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào?

Minh hỏi Nga:

- *Bạn đó bảo cho tổ của Xuân và Mai chiều nay họp lớp chưa?*
- *Tổ báo cho tổ của Mai rồi.*

Bài 36: a) Nêu công dụng của thành phần tình thái trong câu. Xác định thành phần tình thái trong các câu sau.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chẳng nhẽ cả bọn ở làng lại đốn đến thế được.

(Kim Lân - Làng)

b) Nêu công dụng của thành phần phụ chú trong câu. Xác định thành phần phụ chú trong câu sau:

"Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi."

(Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng)

Bài 37:

Chuyển các câu sau thành câu có thành phần khởi ngữ là các từ được in đậm.

- a) Tôi **biết** rồi nhưng không nói ra được.
- b) Tôi nghe **bài học hôm nay** chăm chú lắm.

Bài 38:

Xác định thành phần biệt lập trong câu sau, cho biết đó là thành phần gì và giải thích công dụng của thành phần đó trong câu?

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi.

(Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà)

Bài 39: Cho biết từ ngữ in đậm trong đoạn trích sau có tác dụng liên kết câu chứa chúng với câu nào? Đó là phép liên kết nào?

Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui vào bên trong dây mìn, chui vào ruột quả bom...

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi)

Bài 40: a) Chỉ ra thành phần biệt lập trong câu sau và giải thích phân ý nghĩa mà nó đem lại cho câu chứa nó.

"Cũng may mà bằng mấy nét vẽ, họa sĩ ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên"

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

b) Chỉ ra các phép liên kết trong đoạn văn sau:

"Mưa. Nhưng mưa đá. Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang"

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi)

Bài 41:

- a) *Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi*

Hai câu thơ trên trích trong bài thơ nào? Của ai? Xác định và nêu rõ tác dụng của phép tu từ trong hai câu thơ trên.

b) Chỉ ra phép liên kết câu và liên kết đoạn văn trong trường hợp sau:

Văn nghệ đã làm cho tâm hồn họ thực được sống. Lời gửi của văn nghệ là sự sống. Sự sống ấy toả đều cho mọi vẻ, mọi mặt của tâm hồn. Văn nghệ nói chuyện với tất cả tâm hồn chúng ta, không riêng gì trí tuệ, nhất là trí thức.

(Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)

Bài 42: Có mấy phương thức chủ yếu để phát triển nghĩa của từ ngữ? Cho biết nghĩa của từ “đầu” trong hai câu sau được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

a) Anh ta có cái đầu tuyệt vời, nhớ đến từng chi tiết.

b) Đầu máy bay; đầu tử

Bài 43: Hãy gạch chân các từ láy trong đoạn văn sau:

“Trăng đỏ lên. Mặt sông lấp lánh ánh vàng. Núi Trùm cát trắng đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím thâm thẫm. Dưới ánh trăng lấp lánh, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát phẳng lì”

Bài 44:

*“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã,
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.”*

(Tế Hanh)

a) Chỉ ra những từ ghép Hán Việt và biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu trên ?

b) Nghĩa của những từ ghép Hán Việt ấy ?

Bài 45: Dùng những câu sau đây để viết thành lời dẫn trực tiếp.

a) Làng thì yêu thật, nhưng làng đó theo Tõy rồi thì phải thù.

(Ông Hai- Tác phẩm Làng)

b) Minh sinh ra là gì, mình đẻ ra ở đâu, mình vì ai mà làm việc.

(Anh Thanh niên –Lặng lẽ Sapa)

Bài 46: Đọc đoạn thoại sau và cho biết phương châm hội thoại nào không được tuân thủ?

Trông thấy thầy giáo, A chào rất to:

- Chào thầy.

Thầy giáo trả lời và hỏi

- Em đi đâu đấy?

- Em làm bài tập rồi- A đáp.

Bài 47: a) Phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

b) Cho lời dẫn trực tiếp sau: *Khi bàn về giáo dục nhà thơ Tago- người Ấn Độ có nói: “Giáo dục một người đàn ông được một người đàn ông, giáo dục một người đàn bà được một gia đình, giáo dục một người thầy được cả một xã hội.”*

Hãy chuyển lời dẫn trực tiếp trên thành lời dẫn gián tiếp.

Bài 48: Xác định phép tu từ được sử dụng trong các câu thơ sau và nêu tác dụng của nó.

a) “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng”.

(Nguyễn Khoa Điềm)

b) “Bên trời góc bể bơ vơ
Tám sơn gột rửa bao giờ cho phai.”

(Nguyễn Du)

- c) “Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.”
(Bà huyện Thanh Quan)
- d) “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.”
(Phạm Tiến Duật)
- e) “Bác Dương thôi đó thôi rồi
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.”
(Nguyễn Khuyến)

Bài 49: Chuyển lời dẫn trực tiếp sau thành lời dẫn gián tiếp:

a) “Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo: “Con biểu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi thầy được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về; không có tiền sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...””
(Lão Hạc - Nam Cao)

b) “Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dần lòng bỏ đám này để dời giăng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?...”
(Lão Hạc - Nam Cao)

Bài 50: Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, em hãy phân tích điệp từ “nhóm” trong khổ thơ:

“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”
(Bếp lửa – Bằng Việt)

Bài 51: Em hãy trích dẫn ý kiến sau theo hai cách: dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp.

“Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, và các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.

(Hồ Chí Minh)

Bài 52: Cho đoạn văn:

“Nó vừa ôm chặt lấy ba nó vừa nói trong tiếng khóc:
- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!
Ba nó bé nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.”

- a) Chỉ ra lời dẫn trực tiếp ở đoạn văn trên.
b) Chuyển lời dẫn trực tiếp đó thành lời dẫn gián tiếp.

Bài 53: Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của các từ in đậm trong các câu thơ, câu văn sau?

- a) “Bạc tình nổi tiếng lâu xanh
Một **tay** chôn biết mấy cành phù dung”.
(Truyện Kiều – Nguyễn Du).
- b) “Trên **đầu** những rác cùng rom

Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu”.

(Ca dao).

- c) *“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời **chân** lí chói qua tim”.*

(Từ ấy – Tố Hữu)

- d) *Bạn Nam lớp 9A có **chân** trong đội tuyển bóng đá của trường.*

Bài 54: Cho biết các biện pháp tu từ và hiệu quả thẩm mỹ của nó trong đoạn văn sau:

Sau trận bão, chân trời, ngấn bể, sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông.

(Nguyễn Tuân - Cô Tô, Ngữ văn 6, tập hai, trang 89, NXB Giáo dục, 2004)

Bài 55: Đọc kỹ đoạn thơ sau, rồi thực hiện các yêu cầu:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,

Tin sương luống những rày trông mai chờ.

Bên trời góc bể bơ vơ,

Tám son gột rửa bao giờ cho phai

(Ngữ văn 9 – tập 1, NXB Giáo dục 2006, trang 93, 94)

a) Tìm hai từ đồng nghĩa với từ *tưởng*. Có thể thay thế các từ tìm được với từ *tưởng* không? Vì sao?

b) Tìm thành ngữ trong đoạn thơ.

Bài 56: Bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt được mở đầu như sau:

Một bếp lửa chòn vòn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.143)

Chỉ ra từ láy trong dòng thơ đầu. Từ láy ấy giúp em hình dung gì về hình ảnh "bếp lửa" mà tác giả nhắc tới ?

Bài 57: Tìm nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của các từ in đậm trong các câu thơ sau:

- a) *Đuề huề lưng túi gió trăng,
Sau **chân** theo một vài thằng con con.*
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

- b) *Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Bài 58: “Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng”

Trong câu thơ trên, từ “lộc” được hiểu như thế nào? Theo em, vì sao hình ảnh “người cầm súng” lại được tác giả miêu tả “Lộc giắt đầy trên lưng”?

Bài 59: Tìm các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong đoạn thơ sau:

*"Quê hương anh đất mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi hai người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau
Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí !"*

Bài 60: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong Suông hàng tre bát ngát

Ôi ! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Cho biết ý nghĩa hình ảnh hàng tre trong đoạn thơ trên.

(Viếng lăng Bác- Viễn Phương)

PHẦN 2 : HƯỚNG DẪN GIẢI

Bài 1:

Từ **hoa** trong **thêm hoa, lệ hoa** được dùng theo nghĩa chuyển.

Tuy nhiên không thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa, vì nghĩa chuyển này của từ **hoa** chỉ là nghĩa chuyển lâm thời, nó chưa làm thay đổi nghĩa của từ, chưa thể đưa vào từ điển.

Bài 2:

Nhân hóa: *Thuyền im- bến mỏi- nằm*

Con thuyền sau một chuyến ra khơi vất vả trở về, nó mỗi một nằm im trên bến. Con thuyền được nhân hóa gọi cảm nói lên cuộc sống lao động vất vả, trải qua bao sóng gió thử thách. Con thuyền chính là biểu tượng đẹp của dân chài.

Bài 3:

Điệp một từ: *leo, cảnh, con kiến*

Điệp một cụm từ: *leo phải cảnh cụt, leo ra, leo vào.*

Bài 4:

a) Phép nói quá: Gác Quan Âm, nơi Thuý Kiều bị Hoạn Thư bắt ra chệp kinh, rất gần với phòng đọc sách của Thúc Sinh. Tuy cùng ở trong khu vườn nhà Hoạn Thư, gần nhau trong *gang tấc*, nhưng giờ đây hai người cách trở *gấp mười quan san*.

Bằng lối nói quá, tác giả cực tả sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh

b) Phép điệp ngữ (*còn*) và dùng từ đa nghĩa (*say sưa*)

Say sưa vừa được hiểu là chàng trai vừa uống nhiều rượu mà say, vừa được hiểu chàng trai say đắm về tình.

Nhờ cách nói đó mà chàng trai thể hiện tình cảm của mình mạnh mẽ và kín đáo.

Bài 5:

* **Biện pháp tu từ vụng**

+ So sánh “*chiếc thuyền*” như “*con tuấn mã*” và cánh buồm như “*mảnh hồn làng*” đó tạo nên hình ảnh độc đáo; sự vật như được thổi thêm linh hồn trở nên đẹp đẽ.

+ Cánh buồm còn được nhân hóa như một chàng trai lực lưỡng đang “rướn” tấm thân vạm vỡ chống chọi với sóng gió.

* **Tác dụng**

- Góp phần làm hiện rõ khung cảnh ra khơi của người dân chài lưới. Đó là một bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống của người dân vùng biển.

- Thể hiện sự cảm nhận tinh tế về mùi hương của Tế Hanh...

- Góp phần thể hiện rõ tình yêu quê hương sâu nặng, da diết của nhà thơ.

Bài 6:

a) Chơi chữ

b) So sánh

c) Nhân hóa.

Bài 7:

a) Phép nhân hoá: nhân hoá ánh trăng, biến trăng thành người bạn tri âm, tri kỉ. Nhờ phép nhân hoá mà thiên nhiên trong bài thơ trở nên sống động hơn, có hồn hơn và gần gũi với con người hơn.

b) Phép ẩn dụ tu từ: từ *mặt trời* trong câu thơ thứ hai chỉ em bé trên lưng mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai.

Bài 8:

a) *Nhưng những điều kỳ lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đó nhào nặn*
DT

với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở người.

b) *Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xụ vào*

ĐT

lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.

ĐT

c) *Không lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn - xôi cho nhân loại phức tạp*

TT

hơn, cũng phong phú và sâu sắc hơn.

TT

Bài 9:

a) Nửa tiếng đồng hồ sau, chị Thao chui vào hang.

TN CN VN

b) Tác giả thay mặt cho đồng bào miền Nam – những người con ở xa - bày tỏ
TPPC

niềm tiếc thương vô hạn.

c) Thế à, cảm ơn các bạn!

CT

d) Này! ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn.

TT

Bài 10:

- a) Thành phần tình thái: có lẽ
- b) Thành phần cảm thán: Chao ôi
- c) Thành phần tình thái: Chả nhẽ

Bài 11:

Thành phần phụ chú: a) chắc rằng hai cậu bạn cái mới
b) bạn thân của tôi

Thành phần khởi ngữ: c) còn tôi,
d) kẹo đây

Bài 12:

a) Từ “hoa” trong câu “Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng” dùng theo nghĩa gốc. Những từ “hoa” trong các câu khác đều dùng theo nghĩa chuyển.

b) Nghĩa chuyển của từ “lệ hoa”: giọt nước mắt của người đẹp
(HS trả lời: “Nước mắt của Thúy Kiều” vẫn tính điểm; nếu HS giải nghĩa từ “lệ hoa” là “nước mắt” thì không cho điểm).

Bài 13:

Thành phần gọi – đáp trong câu ca dao : Bầu ơi
Bầu : từ ẩn dụ, hướng đến tất cả mọi người (đồng bào).

Bài 14:

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,: phép tu từ từ vựng so sánh.

Chưa ngủ (ở cuối câu thơ trên và được lặp lại ở đầu câu thơ dưới): phép tu từ từ vựng điệp ngữ liên hoàn.

Bài 15:

- Đứa con gái lớn gồng đôi thúng không bước vào. (1) : câu kể (trần thuật)

- Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế này ? (2) : câu nghi vấn

- Ở nhà trông em nhá ! (3) Đừng có đi đâu đấy. (4) : câu cầu khiến.

Bài 16:

a) Lão không hiểu tui, tui nghĩ vậy, và tui càng buồn lắm : thành phần phụ chú.

b) Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đó về.: thành phần tình thái.

Bài 17:

a) Nói móc. P/c Lịch sự

b) Nói nhăng nói cuội -> P/c về chất.

Bài 18:

a) Câu có chứa thành phần khởi ngữ: “Cũn anh, anh không gồm nổi xức động.”

b) Từ láy trong đoạn trích: ngỡ ngác, lạ lùng.

c) Câu thứ nhất và câu thứ hai của đoạn trích được liên kết với nhau bằng phép liên kết: phép lặp từ ngữ.

d) Từ “trùn” trong câu “Nghe gọi, con bộ giạt mình, trùn mắt nhõn.” được dùng như động từ.

Bài 19:

a) Câu ca dao khuyên chúng ta thực hiện tốt *phương châm hội lịch sự* trong giao tiếp

b) Thành phần phụ chú: *Pháp, Anh, Hoa, Nga ...*

Bài 20:

a) - Phép nhân hóa làm cho các yếu tố thiên nhiên (*mưa, đất trời, cây cỏ*) trở nên có sinh khí, có tâm hồn.

- Phép so sánh làm cho chi tiết, hình ảnh (*những hạt mưa*) trở nên cụ thể, gợi cảm

b) Liên kết nội dung:

+ Các câu trong đoạn cùng phục vụ chủ đề của đoạn là: *miêu tả mưa mùa xuân và sự hồi sinh của đất trời.*

+ Các câu trong đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lý.

- Liên kết hình thức:

+ Phép lặp: *mưa mùa xuân, mưa, mặt đất*

+ Phép đồng nghĩa, liên tưởng: *mưa, hạt mưa, giọt mưa; mặt đất, đất trời; cây cỏ, cây, nhánh lá mầm non, hoa thơm trái ngọt*

+ Phép thế: *cây cỏ - chúng*

+ Phép nối: *và*

Bài 21:

a) Các từ *hoa hồng, ngân hàng* đó có sự thay đổi về nghĩa so với nghĩa gốc sau khi kết hợp với các từ mới :

- *hoa hồng* : nét nghĩa chỉ màu sắc của từ “hồng” bị mất hẳn, mang nghĩa mới về chủng loại.

- *ngân hàng*: không còn nghĩa “là nơi giữ tiền, và vàng bạc, đá quý..” mang nghĩa mới “nơi lưu giữ thông tin, dữ liệu liên quan đến thi cử”

b) Từ “trắng” trong câu trên mất hẳn nghĩa gốc chỉ màu sắc, mang nghĩa mới: “không có gì.”

Bài 22:

- | | |
|------------------------------|--|
| 1. Trời ơi(Cảm thán) | 2. Thưa ông (Gọi đáp) |
| 3. Chã nhẽ (Tình thái) | 4. Ngôi nhà chung của chúng ta (phụ chú) |
| 5. Ôi (Cảm thán) | 6. Bạn thân nhất của tớ (P.Chú) |
| 7. Có lẽ (Tình thái) | 8. Ông Giáo ạ (Gọi đáp) |
| 9. Than ôi (Cảm thán) | 10. Hình như (Tình thái) |
| 11. Kể cả anh (P.chú) | 12. Hôm nay tôi đi học (P. chú) |
| 13. Quê hương ơi (Cảm thán) | 14. Chao ôi (cảm thán) |
| 15. Chừng như (Tình thái) | 16. có lẽ (tình thái) |

Bài 23:

a) Từ **xuân** được dùng theo nghĩa chuyển.

b) Khởi ngữ: một mình

c) Thành phần biệt lập: người con gái quê ở Nam Xương ->thành phần phụ chú

Bài 24:

a) Từ “nhỏ bé” có hàm ý: Người đồng mình còn nghèo khổ, vất vả, mộc mạc nhưng ý chí, niềm tin, tâm hồn và mong ước xây dựng quê hương đất nước của họ thì vô cùng lớn lao chứ không hề nhỏ bé, tầm thường. Từ đó, người cha muốn con biết tự hào về “người đồng mình” để tự tin mà vững bước trên con đường đời.

b) Câu chứa hàm ý: Trời ơi, chỉ còn 5 phút!

Nội dung hàm ý: Thể hiện sự tiếc nuối của anh thanh niên.

Bài 25:

Câu chứa hàm ý: “Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!”

Nội dung hàm ý: Bé Thu muốn nhờ ông Sáu chắt nước khỏi nồi cơm khỏi bị nhão, nhưng không chịu nói tiếng “ba” vì không muốn thừa nhận ông Sáu là ba của mình.

Bé Thu nói trống không để tránh gọi trực tiếp.

Bài 26:

Từ mặt trời trong câu thơ trên là biện pháp tu từ ẩn dụ

Tác dụng: Thể hiện tình cảm của người mẹ đối với con. Con là mặt trời của mẹ; là nguồn hạnh phúc ấm áp vừa gần gũi, vừa thiêng liêng của đời mẹ. Con đã góp phần sưởi ấm lòng tin yêu, ý chí của mẹ trong cuộc sống...

Bài 27:

a) *“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”*

b) *“Vì sao con mang tới hai đôi găng tay trong túi áo ?”*

“ Con làm như vậy từ lâu rồi. Mẹ biết mà, có nhiều bạn đi học mà không có găng tay. Nếu con có thể cho bạn mượn và tay bạn sẽ không bị lạnh “.

Đó là những lời dẫn trực tiếp. Về hình thức nó được thể hiện ở chỗ lời dẫn nằm sau dấu hai chấm và ở giữa hai dấu ngoặc kép.

Bài 28:

a) Từ ngữ thực hiện phép liên kết giữa câu 1 và câu 2 của đoạn văn trên được thể hiện ở từ “nó” (chủ ngữ của câu 2). Đó là phép thế.

b) Thành phần biệt lập trong đoạn văn trên : *các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ.* Tên gọi của thành phần biệt lập đó là thành phần phụ chú.

Bài 29:

Thành phần phụ chú: *cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đỏ nhợt nhạt*

Thành phần tình thái: *có lẽ*

Bài 30: a) Các từ đơn: *swong; qua; ngõ; thu; đã; về.*

Các từ phức: *chùng chình; hình như.*

b) Từ *chùng chình* là từ tượng hình.

Giải thích được: Vì từ *chùng chình* gợi ra hình ảnh cụ thể, hữu hình làm cho người đọc dường như thấy được sự vận động chậm rãi, sự dùng dằng, không dứt khoát, có gì đó như nuối tiếc của đám mây đang giăng mắc trong không gian.

Bài 31:a) lời dẫn trực tiếp

b) lời dẫn gián tiếp

Bài 32: 1. Xác định và cho biết thành phần biệt lập.

- a) *Chẳng lẽ*: thành phần tình thái.
- b) *vốn dân Nam Bộ gốc*: thành phần phụ chú.
- c) *Ôi*: thành phần cảm thán.
- d) *Thưa ông*: thành phần gọi - đáp.

2. Thành phần khởi ngữ: mắt tôi

3. Sau một hồi trống thúc vang dội cả lưng tụi, mấy người học trũ cũ / sắp hàng
dưới hiên rồi đi vào lớp. TN CN

VN

Bài 33:

Từ láy: tà tà , thơ thẩn , thanh thanh , nao nao , nho nhỏ

Từ ghép: đan tay , tiểu khê , phong cảnh , dòng nước, uốn quanh , dịp cầu , bắc

ngang

Bài 34:

a) Hàm ý: Lan học không giỏi

b) Về hình thức là vi phạm phương châm quan hệ. Tuy nhiên đây là sự vi phạm cố ý để tạo hàm ý, do sự tế nhị trong nói năng

Bài 35:

- Câu chứa hàm ý: Tớ bảo cho tớ của Mai rồi
- Vi phạm phương châm về lượng
- Nội dung hàm ý: Chưa báo cho tớ của Xuân

Bài 36:

a. Nêu đúng công dụng của thành phần tình thái.

=> Được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

Thành phần tình thái trong câu.

=> Ngờ ngạc, chả nhẽ.

b. Thành phần phụ chú: Được dùng để bổ sung (giải thích) một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Thành phần phụ chính trong câu : Kể cả anh

=> Ngờ ngạc, chả nhẽ.

Bài 37:

a) **Biết** thì tôi cũng biết rồi nhưng không nói ra được.

b) **Đối với bài học hôm nay**, tôi nghe chăm chú lắm.

Bài 38:

- Xác định đúng thành phần biệt lập: *kể cả anh*

- Nêu đúng tên: thành phần phụ chú

- Nêu đúng công dụng của thành phần phụ chú: giải thích cho cụm từ: *mọi người*

Bài 39:

- Các từ ngữ: *Nó, Còn* có tác dụng liên kết câu chứa chúng với câu đứng trước.

- Xác định đúng: *Nó*: phép thế.

Còn: phép nối

Bài 40: a) Thành phần tình thái: Cũng may

Thể hiện thái độ phần khởi trước những cảm nhận của ông họa sỹ về nhân vật anh thanh niên.

b) Các phép liên kết câu đó được sử dụng:

Phép lặp : Mưa

Phép nối: Nhưng

Bài 41: a) - Hai câu thơ trên trích trong bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh

- Xác định và nêu tác dụng của phép tu từ.

+ Phép tu từ: ẩn dụ “Sấm”. Những vang động bất thường của ngoại cảnh, cuộc đời; “hàng cây đứng tuổi”: con người đó từng trải.

+ Tác dụng: Với hình ảnh ẩn dụ trên, nhà thơ muốn gửi gắm suy ngẫm của mình: Khi con người đó từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời .

b, - Phép liên kết câu: phép lặp từ vựng: văn nghệ - văn nghệ .

- Phép liên kết đoạn văn: phép lặp từ vựng: văn nghệ - văn nghệ; sự sống - sự sống.

Bài 42: Có hai phương thức chủ yếu để phát triển nghĩa của từ ngữ: phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ.

Nghĩa của từ “đầu” trong hai câu được chuyển nghĩa theo phương thức:

a) Hoán dụ.

b) Ẩn dụ.

Bài 43:

Từ láy : lấp lánh, sừng sững, thâm thẳm, lấp lánh, lặn tẩn, mơn man

Bài 44:

- Những từ ghép Hán Việt ở hai câu thơ: tuần mố, trường giang

- Nghĩa của hai từ ghép Hán Việt:

+ tuần mố là ngựa tốt (hoặc nói: ngựa khỏe, ngựa chạy nhanh)

+ trường giang: sông dài (nói sông rộng vẫn chấp nhận)

- Sử dụng biện pháp tu từ : so sánh

Bài 45:

a) Qua những ngày đấu tranh tư tưởng, đau đớn, dằn vặt, cuối cùng ông Hai đã đi đến quyết định :” làng thì yêu thật , nhưng làng theo Tây rồi thì phải thù”. Đó là biểu hiện vẻ đẹp trong tâm hồn của người Việt Nam , khi cần họ sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng.

b) Anh thanh niên là người sống có lý tưởng . Vẻ đẹp tâm hồn và cách sống của anh là vẻ đẹp hiện dân :” Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc”

Bài 46:

- Lời thoại thứ nhất của A “Chào thầy” không tuân thủ phương châm lịch sự.

Chào thầy giáo nhưng chào trống không, thiếu từ nhân xưng và tình thái từ.

- Lời thoại thứ hai không tuân thủ phương châm quan hệ.

Thầy giáo hỏi “Đi đâu” thì A lại trả lời “Em làm bài tập rồi.” Núi không đúng vào đề tài, lạc đề.

Bài 47: a) Phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

* **Giống:** Đều dẫn lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật

* **Khác**

- **Cách dẫn trực tiếp:** Là nhắc lại nguyên vẹn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.

- **Cách dẫn gián tiếp:** Là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có sự điều chỉnh cho thích hợp. Lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.

b) Chuyển sang lời dẫn gián tiếp: Khi bàn về giáo dục nhà thơ Tago, người Ấn Độ cho rằng giáo dục một người đàn ông được một người đàn ông, giáo dục một người đàn bà được một gia đình còn nếu giáo dục một người thầy được cả một xã hội.

Bài 48: a) Ẩn dụ->Em bé là nguồn hạnh phúc âm áp thiêng liêng của đời mẹ người chiến sĩ yêu nước, gan dạ , dũng cảm vì miền Nam...

b) Ẩn dụ ->Tấm lòng thương nhớ của Thúy Kiều không bao giờ nguôi quên (hoặc tấm lòng son của Kiều bị vùi dập không bao giờ gột rửa...)

c) Chơi chữ -> Tấm lòng nhớ nước thương nhà của tác giả...

d) Hoán dụ -> trái tim người chiến sĩ yêu nước, gan dạ , dũng cảm vì miền Nam...

e) Nói giảm nói tránh->Tránh cảm giác đau buồn cảm xúc của tác giả...

Bài 49:

a) “Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo rằng nó biếu tôi ba đồng để thỉnh thoảng tôi ăn quà; xưa nay nó ở nhà mãi cũng chẳng nuôi tôi được bữa nào, thì nó đi cũng chẳng phải lo; tôi bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; nó đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm nó mới về; không có tiền sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...”

b) “Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dẫn lòng bỏ đám này để dùi giăng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?...”

Bài 50: Điệp từ “nhóm” mang hai ý nghĩa:

- Nghĩa đen: Làm cho lửa bén vào củi, làm cho củi cháy.

- Nghĩa chuyển: Khơi lên, gợi lên những tình cảm tốt đẹp trong tâm hồn con người.

Qua từ “nhóm”, bà không chỉ là người nhóm lên một bếp lửa để nuôi cháu lớn lên mà bà con khơi lên, gợi lên những tình cảm trong cháu, giúp cháu hiểu thêm về quê hương, đất nước mình, hiểu thêm về những phụ nữ Việt Nam, những người bà, người mẹ muôn đời tần tảo. Từ đó bồi dưỡng cho cháu niềm tin, nghị lực, tình yêu quê hương, lòng kính trọng, biết ơn đối với bà. Từ “nhóm” được lặp đi lặp lại như khắc sâu tình cảm thiêng liêng ấy.

Bài 51:

+ Câu có lời dẫn trực tiếp: Trong “*Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.”

+ Câu có lời dẫn gián tiếp: Trong “*Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Bài 52:

a) Lời dẫn trực tiếp: “ Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!”

b) Chuyển thành lời dẫn gián tiếp: Nó Khóc rằng không cho ông Sáu (ba nó) đi nữa, ông Sáu (ba nó) phải ở nhà với nó

Bài 53: a) Từ “**tay**” trong ví dụ (a) được dùng theo nghĩa chuyển (chuyển theo phương thức hoán dụ).

b) Từ “**đầu**” trong ví dụ (b) được dùng theo nghĩa gốc.

c) Từ “**đi**” trong ví dụ (c) được dùng theo nghĩa chuyển (chuyển theo phương thức ẩn dụ)

d) Từ “**chân**” trong ví dụ (d) được dùng theo nghĩa chuyển (chuyển theo phương thức hoán dụ).

Bài 54: Các biện pháp tu từ có trong đoạn văn: so sánh, ẩn dụ.

Hiệu quả thẩm mỹ:

Gợi tả cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô rực rỡ, tráng lệ nên thơ ...

Thể hiện niềm say mê cái đẹp; tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước; sự trân trọng của Nguyễn Tuân với người dân lao động.

Thể hiện sự tài hoa của Nguyễn Tuân trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh

Bài 55:

Những từ đồng nghĩa với từ tưởng: nhớ, mơ, mong, nghĩ.

Tưởng nghĩa là nhớ mong, mơ màng, đang nghĩ tới, đang hình dung rất rõ hình ảnh người yêu nơi phương xa của Thúy Kiều. Từ tưởng vừa bộc lộ cảm xúc, vừa miêu tả hoạt động của tư duy, nghĩa của từ tưởng bao gồm nghĩa của các từ trên cộng lại. Vì thế, không thể thay thế từ tưởng bằng các từ ấy.

Thành ngữ được sử dụng: rày trông mai chờ, bên trời góc bể.

Bài 56:

Từ láy trong dòng thơ đầu "chờn vờn".

Từ láy này có tác dụng gợi tả hình ảnh ngọn lửa lúc to, lúc nhỏ; lúc cao, lúc thấp; soi tỏ hình ảnh của người và vật chung quanh. Từ láy này còn có tác dụng dựng nên một hình ảnh gần gũi, quen thuộc từ bao đời nay trong các gia đình Việt Nam, nhất là ở nông thôn trước đây.

Bài 57: a) Từ **chân**: được dùng theo **nghĩa gốc**.

b) Từ **chân**: được dùng theo **nghĩa chuyển**, theo phương thức ẩn dụ.

Bài 58: Từ “lộc” trong câu thơ là từ có nhiều nghĩa.

+ Nghĩa chính: là những mầm non nhú lên ở cây khi mùa xuân đến.

+ Nghĩa chuyển: Sức sống, sức phát triển của đất nước, với nhiệm vụ bảo vệ đất nước trong những ngày đầu xuân. hiểu theo nghĩa chuyển

+ Hình ảnh “ Người cầm súng” lại được tác giả miêu tả “ Lộc giắt đầy trên lưng” là vì: Trên đường hành quân, trên lưng người lính lúc nào cũng có những cành lá ngụy trang, trên đó có những lộc non mới nhú lên khi mùa xuân đến. Với nghĩa chuyển từ “lộc”, ta

cảm nhận anh bộ đội như mang trên mình mùa xuân của đất nước. Anh cần súng để bảo vệ đất nước, mùa xuân tươi đẹp đó.

+ Tác giả đã diễn đạt sức sống của mùa xuân gắn với nhiệm vụ lớn lao là bảo vệ đất nước thật cụ thể và sinh động.

Bài 59: Thành ngữ: “nước mặn đồng chua”

Điệp ngữ: “súng”, “đầu”

Kết cấu sóng đôi, đối ứng nhau:

“quê hương anh” – “làng tôi”

“nước mặn đồng chua” – “đất cày lên sỏi đá”

“súng” – “đầu”.

=> Tạo nên một sự nhịp nhàng, đồng điệu, đồng cảm, cùng ý chí của hai con người xa lạ.

Bài 60: Ý nghĩa tả thực: là cây tre thực, là hình ảnh thân thuộc của làng quê, đất nước Việt Nam.

Ý nghĩa biểu tượng: là hình ảnh ẩn dụ chỉ nhân dân miền Nam, dân tộc Việt Nam với sức sống bền bỉ ngoan cường, bất khuất.